

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC
VTYT HẢI DƯƠNG**

Số: 912../DHD

V/v kê khai giá hàng hoá,
dịch vụ bán trong nước

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 04 tháng 08 năm 2026

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG

ĐẾN Ngày: 7/26/26

Chuyên: 061.8126

ố và ký hiệu HS:

Kính gửi: SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thực hiện quy định tại Luật giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty CP Dược VTYT Hải Dương gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 04/08/2026.

Công ty CP Dược VTYT Hải Dương xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

DSCKI: NGUYỄN THỊ TÚ ANH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu nội bộ.

- Họ và tên người nộp văn bản: Phạm Thị Huân – Phòng Khách hàng gia công
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Số 102 Chi Lăng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 0964.471.824
- Email: phamthihuan.hdpharma@gmail.com

GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VITYT HẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 04 tháng 08 năm 2026

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 912 ngày 04 tháng 08 năm 2026 của Công ty Cổ phần Dược VITYT Hải Dương về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước)

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
1	Parabamol 400/325 (893110338800)	Hộp 3 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		722,4đ				
2	Hộ Thanh Can (VD-25516-16)	Hộp 3 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		2.629,2đ				
3	Hadulab 25 (893110107900)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		574,35đ				
4	Oresol (893100829124)	Hộp 30 gói	gói	Bán buôn		1.087,8đ				
5	Molniplus cream (893110947824)	Hộp 1 tuýp x 15g	tuýp	Bán buôn		12.782,7đ				
6	Hadulab 12.5 (893110478025)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		1.200đ				
7	Parabamol 400/500 (893110152300)	Hộp 3 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		1.169,7đ				
8	Hadulacton 25 (893110152100)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		683,55đ				



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
9	Hadusim 40 (893110269825)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		955,5đ				
10	Dưỡng tâm an (TCT-00146-23)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		577,5đ				
11	Erospid 25/25 (893110085525)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		615,3đ				
12	Erospid 25/12.5 (893110264025)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		565,95đ				
13	Kim tiền thảo HM (893210130200)	Hộp 21 gói 2g	gói	Bán buôn		1.223.25đ				
						1.370,25đ				
14	Trabogan (893200002526)	Hộp 20 gói 2g	gói	Bán buôn		1.312,5đ				
15	Circaru (VD-30968-18)	Hộp 20 gói	gói	Bán buôn		2.887,5đ				
16	Circala 40 (VD-33707-19)	Hộp 15 ống x 3ml	ống	Bán buôn		1.480,5đ				
17	Circala 40 (VD-33707-19)	Hộp 1 chai 30ml	chai	Bán buôn		14.370,3đ				
18	A Oresol 500 ml (893100276125)	Hộp 10 gói x 10,35g	gói	Bán buôn		2.368,8đ				
19	Skyld (893210188225)	Hộp 6 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		651đ				
20	Lisimax – 280 (VD-18034-12)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		588đ				
21	Hepaexel (VD-28749-18)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		760,2đ				
22	Hoàn nghệ mật ong (893200042724)	Hộp 50 gói x 2g	gói	Bán buôn		853,65đ				



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
23	Hoạt huyết dưỡng não TP (893200042424)	Hộp 25 gói x 3g	gói	Bán buôn		1.243,2đ				
24	Quanliver (893200130300)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		559,65đ				
25	Quaneuron (893210193825)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		929,25đ				
26	Haisamin (893200194325)	Hộp 6 vỉ x 5 viên	Hộp	Bán buôn		90.058,5đ				
27	Giadogane (893200193625)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		799,05đ				
28	Đương quy di thực (893200129900)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		822,15đ				
29	Thông huyết tiêu nê DHD (893200725324)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		732,9đ				
30	Phong tê thấp HD new (VD-27694-17)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	Bán buôn		451,5đ				

- Giá kê khai là mức giá kê khai lần đầu.
- Mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá: 5%.
- Giá kê khai là mức giá bán ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá và bao gồm thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ.